TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 46/2019/QĐST- HNGĐ	*Đăk Hà, ngày 10 tháng 5 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn Kon Kôm, xã Đ, huyện H, tỉnh T. Chỗ ở hiện nay: Thôn 8, xã D, huyện Đ, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Lê Đức H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn Kon Kôm (Thôn 6), xã Đ, huyên H, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Kim Đ với anh Lê Đức H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Kim Đ và anh Lê Đức H tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

-*Về con chung:*Anh, chị đều xác nhận vợ chồng có một con chung và thỏa thuận giao cháu Lê Anh K, sinh ngày 04/01/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Lê Đức H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (anh Lê Đức H) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản:* Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3; Điều 5; Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Án phí dân sự sơ thẩm *(Thuận tình ly hôn)* là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), các đương sự phải chịu. Chị Nguyễn Thị Kim Đ thỏa thuận chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Nguyễn Thị Kim Đ đã nộp theo biên lai số AA/2010/ 0009545 ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, chị Nguyễn Thị Kim Đ được trả lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện;
- TAND tỉnh ;
- Chi cục THADS huyện;
-UBND xã Đ, H.Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Anh